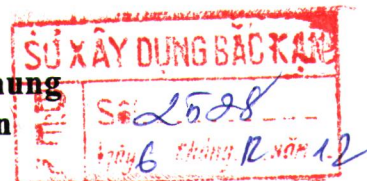


QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung
xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn



UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 29/11/2004 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn; Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 25/8/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 638/TTr-SXD ngày 24/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn.

2. Địa điểm quy hoạch, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Ngọc Phái; Phía Nam giáp xã Bằng Lãng (đền khu chế biến Chì, Kẽm); Phía Đông giáp xã Phương Viên; Phía Tây giáp xã Yên Thượng.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 2.491ha; Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 300ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ quy hoạch chung xây dựng: 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị.

4.1. Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ; Đô thị trung tâm tổng hợp về kinh tế hành chính, văn hoá, giáo dục, đào tạo, du lịch, dịch vụ của huyện Chợ Đồn.

4.2. Chức năng: Là đô thị hạt nhân (đô thị loại V) có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện Chợ Đồn. Theo định hướng phát triển đô thị của tỉnh, sau năm 2015 Bằng Lũng sẽ trở thành đô thị loại IV; Sau năm 2020 sẽ trở thành thị xã.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Có tiềm năng về du lịch, dịch vụ, thương mại và công nghiệp chế biến nông lâm sản; Là tiểu vùng kinh tế - xã hội phía Tây của tỉnh.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số:

Hiện trạng dân số thị trấn Bằng Lũng năm 2009: 6.047 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015 =7.000 người; Dài hạn 2020 =8.000 người; Định hướng 2030 =10.000 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất xây dựng đô thị:

Giai đoạn đến năm 2020: 293.8ha.

- Định hướng năm 2030: 360,81ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

Căn cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của thị trấn Bằng Lũng; Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Hạng mục	Giai đoạn 2011 - 2020	Giai đoạn 2020 -2030
I- Đất xây dựng đô thị	120 ÷ 150 m ² / người.	100 ÷ 120 m ² / người.
* Đất dân dụng	70 ÷ 80 m ² / người.	60 ÷ 70 m ² / người.
- Đất ở	40 ÷ 50 m ² / người.	30 ÷ 35 m ² / người.
- Đất công trình công cộng	12 ÷ 14 m ² / người.	14 ÷ 15 m ² / người.
- Đất cây xanh, TDTT	4 ÷ 5 m ² / người.	5 ÷ 6 m ² / người.
- Đất giao thông	9 ÷ 11 m ² / người.	11 ÷ 14 m ² / người.
II- Các chỉ tiêu HT - KT		
- Cấp điện	200 W/ người.	330 W/ người.
- Cấp nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Thoát nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Rác thải	0,8 kg/người / ngày đêm	1 kg/người / ngày đêm
- Tỷ lệ giao thông / đất ĐT	18 %	20 - 23%
- Mật độ mạng đường chính đô thị	5 ÷ 6 Km/Km ²	6,5 ÷ 7,5 Km/Km ²

7. Định hướng phát triển đô thị:

7.1. Hướng phát triển đô thị:

Định hướng phát triển đô thị lâu dài về phía Đông Nam (Bản Duông), một phần về phía Bắc và phía Đông nằm trong địa giới hành chính của thị trấn; Lấy trung tâm làm cơ sở phát triển từng giai đoạn.

Từng bước khai thác triệt để địa hình đồi núi để phát triển đô thị, gắn với cảnh quan môi trường sinh thái, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Hạn chế phát triển đô thị về phía Tây thị trấn (khu vực Bản Tàn), là nơi có nhiều khoáng sản. Tương lai phải tận dụng khai thác khoáng sản tại khu vực này, nên chưa xây dựng phát triển đô thị ở khu vực này.

7.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị (theo nguyên tắc phân khu vực quy hoạch):

Đô thị mở 02 tuyến đường tránh qua trung tâm thị trấn; Tuyến lộ 254 là đường trục chính đô thị (giữ nguyên lộ giới 22,5m); Tuyến lộ 257 là đường khu vực. Khu vực ngã tư của 02 tuyến đường này là trung tâm phát triển cấu trúc không gian đô thị Bằng Lũng.

Trên tuyến đường trục chính đô thị tại phía Bắc và phía Nam tổ chức hai nút giao thông cùng mức có đảo giao thông tròn $R \geq 8m$ tạo không gian mở đô thị (quảng trường giao thông) và điều tiết giao thông tự động.

Cấu trúc phát triển không gian của thị trấn Bằng Lũng có sự lồng ghép các cấu trúc thành phần đô thị hiện hữu với quy hoạch phát triển mở rộng trong tương lai và gắn với nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sử dụng đất đối với khu chức năng chính đô thị

7.3. Các trung tâm chức năng chính: Ngoài các khu chức năng đã ổn định về vị trí, như: Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; Bệnh viện đa khoa; Chợ Bằng Lũng; Hệ thống giáo dục phổ thông v.v... Các trung tâm chức năng đô thị mới sẽ hình thành như sau:

+ Khu văn hóa số 01: Vị trí sau chợ Bằng Lũng, phía Nam tuyến lộ 257.

+ Khu văn hóa số 02: Vị trí khu bến xe hiện nay, là khu vui chơi giải trí Thanh Thiếu niên được lồng ghép với dịch vụ thương mại đô thị.

+ Trung tâm thể dục thể thao: vị trí đối diện trường THPT cũ.

+ Sân vận động Trung tâm: vị trí khu vực tổ 10.

+ Bến xe khách mới: vị trí gần Bệnh viện đa khoa.

+ Khu nhà ở xã hội: vị trí khu vực tổ 16 cạnh trường THPT mới.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1. Đất ở:

8.1.1. Nhà ở dân cư:

+ Đất ở mật độ cao từ $80 \div 100m^2/hộ$ (đối với nhà chia lô trục đường chính đô thị).

+ Đất ở mật độ trung bình từ $120 \div 160m^2/hộ$ (đối với nhà chia lô trục đường phố khu vực).

+ Đất ở mật độ thấp từ $160 \div 200\text{m}^2/\text{hộ}$ (đối với nhà chia lô trục đường phân khu vực nội bộ).

+ Đất ở biệt thự, nhà vườn từ $200 \div 400\text{m}^2/\text{hộ}$ (đối với nhà ở xa khu vực trung tâm).

Để đảm bảo tiêu chuẩn đất ở đô thị cho mỗi hộ, cần từng bước có kế hoạch chỉnh trang đô thị trên các trục đường chính, đường khu vực kết hợp với việc tổ chức sắp xếp phân chia tiêu chuẩn đất ở/hộ theo quy định trên.

8.1.2. Nhà ở xã hội: Dự kiến xây dựng mới tại phía Tây thị trấn.

Nhà ở theo các dự án: Kết hợp giữa chỉnh trang các khu vực nội thị hiện hữu với việc mở rộng các khu dân cư mới theo quy hoạch.

8.1.3. Khu tái định cư: Dự kiến xây dựng tại khu vực Thôm Khún, phía Đông đô thị.

8.2. Đất công trình công cộng:

8.2.1. Đất trường học:

Mẫu giáo: Hiện tại chỉ có 01 trường Mẫu giáo, căn cứ vào bán kính đi lại theo quy định và số học sinh thì đến năm 2015 sẽ cần có 03 điểm trường Mẫu giáo; Tới năm 2020 sẽ cần 05 điểm trường Mẫu giáo; Đến năm 2030 dự kiến là 06 - 08 điểm trường Mẫu giáo. Diện tích cho 01 điểm trường không nhỏ hơn 5.000m^2 , chiều cao công trình không vượt quá 02 tầng.

Trường tiểu học: Hiện tại chỉ có 01 trường Tiểu học, căn cứ vào bán kính đi lại và số lượng học sinh thì đến năm 2015 cần có 02 trường Tiểu học, một trường ở phía Bắc và một trường ở phía Nam thị trấn; Đến năm 2030 cần tổ chức thêm 01 trường nữa. Diện tích đất cho 01 trường được đảm bảo không nhỏ hơn 5.000m^2 .

Trường trung học cơ sở: Hiện tại có 02 trường THCS như vậy đến năm 2020 sẽ xây dựng thêm 01 trường nữa ở phía Nam thị trấn Bằng Lũng. Diện tích đất cho 01 trường được đảm bảo không nhỏ hơn 8.000m^2 .

Trường Trung học phổ thông: Huyện Chợ Đồn có trường THPT tại thị trấn Bằng Lũng với gần 2.000 học sinh, đã di chuyển địa điểm về khu Ngựa Thò - Bản Tàn với quy mô sử dụng đất 4,5ha, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường chuẩn Quốc gia và đảm bảo ổn định lâu dài.

Trường PT dân tộc nội trú: Địa điểm và quy mô sử dụng đất đã ổn định, đồng thời sẽ mở rộng thêm diện tích tại vị trí cũ để đạt trường chuẩn Quốc gia.

Trung tâm dạy nghề của huyện: Dự kiến quy mô đào tạo 200 ÷ 300 học sinh/năm, diện tích sử dụng đất khoảng 5.000m^2 về phía Nam thị trấn.

Trung tâm giáo dục thường xuyên: Sẽ chuyển về trường THPT cũ, theo quy hoạch diện tích sử dụng đất khoảng 2.500m^2 và bố trí thêm phòng giáo dục Huyện vào khu vực này.

8.2.2. Văn hóa và Thể dục thể thao đô thị (dự kiến tổ chức hai khu văn hóa):

Khu văn hóa số 01: Vị trí phía sau chợ Bằng Lũng, phía Nam đường 257, diện tích sử dụng đất khoảng 1,3ha; Khu văn hóa số 02: Tổ chức vui chơi giải trí Thanh thiếu niên được lồng ghép với dịch vụ thương mại ở trung tâm khu vực bến xe cũ, mỏ nước mắt Rồng, diện tích sử dụng đất khoảng hơn 1,5ha.

Khu thể dục thể thao: Sân vận động trung tâm, diện tích sử dụng đất khoảng 5ha, vị trí tại khu vực tổ 10; Trung tâm TĐTT: Quy hoạch vị trí cạnh trường THPT cũ, diện tích khoảng 2,8ha.

Nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng và vườn hoa, sân chơi tại các đơn vị ở, diện tích sử dụng đất khoảng 500m²/công trình.

8.2.3. Công trình dịch vụ, thương mại:

Chợ thị trấn: Giữ nguyên ở vị trí hiện tại; Dự kiến mở thêm 01 chợ ở phía Nam để đảm bảo phục vụ cho nhu cầu của nhân dân đô thị.

Dịch vụ thương mại: Sau khi Bến xe, Xí nghiệp chế biến lâm sản di chuyển đến vị trí mới, sẽ là khu dịch vụ thương mại đô thị - lồng ghép với khu vui chơi giải trí Thanh thiếu niên.

Bến xe khách bố trí tại khu vực tổ 01 gần Bệnh viện huyện với quy mô sử dụng đất $\geq 8.000\text{m}^2$; Đồng thời dự kiến mở thêm 01 trạm đỗ xe phía Bắc, diện tích sử dụng đất khoảng 3.000m².

8.2.4. Công trình y tế:

Bệnh viện đa khoa Huyện mới được xây dựng có quy mô 100 giường bệnh, với diện tích đất khoảng 19.500m² đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trong Huyện ở giai đoạn trước mắt. Lâu dài quy hoạch mở rộng khoảng 31.000m².

Trạm Y tế thị trấn: Dự kiến bố trí cạnh khu trung tâm Văn hóa (thuộc tổ 01), với diện tích khoảng 2.500m².

8.2.5. Các công trình hành chính các cấp, các công trình cơ quan: Các cơ quan làm việc hiện tại có tổng diện tích sử dụng đất khoảng hơn 5ha; địa điểm các cơ quan và nhu cầu sử dụng đất cơ bản đã ổn định. Một số đơn vị cần điều chỉnh: Xí nghiệp chế biến lâm sản đưa ra ngoài đô thị...

8.2.6. Điểm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:

Theo định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, huyện Chợ Đồn là tiểu vùng phát triển kinh tế phía Tây của tỉnh, phương hướng phát triển kinh tế chủ yếu tập trung vào 02 cụm công nghiệp chế biến khoáng sản là Bằng Lũng và Bản Thi:

+ Đối với Bằng Lũng: Sau năm 2015 được nâng cấp thành thị xã và là đô thị hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội, trung tâm kinh tế tiểu vùng phía Tây của tỉnh gắn với dịch vụ cho Cụm công nghiệp chế biến khoáng sản Bằng Lũng và công nghiệp chế biến Nông - Lâm sản.

+ Đối với các loại hình tiểu thủ công nghiệp không ảnh hưởng đến môi trường, như: làm đồ lưu niệm truyền thống, đồ trang sức phục vụ du lịch, v.v... có thể bố trí ở ngay trong nội thị trung tâm tại các hộ gia đình.

Cơ cấu sử dụng đất theo bảng sau.

Bảng cân bằng sử dụng đất khu quy hoạch xây dựng

STT	Hạng Mục	Hiện trạng		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn đến 2030	
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng Diện Tích Đất Nghiên Cứu	293,8	100	293,8	100	293,8	100
A	Đất xây dựng đô thị	51,66	17,58	99,85	33,99	147,53	50,21
I	Đất dân dụng	46,82	15,94	95,01	32,34	133,34	45,38
1	Đất ở	35,64	12,13	43,44	14,79	61,44	20,91
2	Hệ thống giáo dục - đào tạo	2,43	0,83	5,75	1,96	9,67	3,29
3	Hệ thống y tế	3,11	1,06	3,36	1,14	3,36	1,14
4	Trung tâm văn hóa - TDTT	0,20	0,07	5,59	1,90	11,11	3,78
5	Chợ - Thương mại	1,04	0,35	1,04	0,35	1,14	0,38
6	Dịch vụ công cộng đô thị khác	2,20	0,75	3,6	1,23	4,6	1,57
7	Đất cây xanh sinh thái cảnh quan	---	---	2,62	0,89	2,62	0,89
8	Đất giao thông đối nội	2,20	0,75	29,61	10,08	39,5	13,44
II	Đất ngoài dân dụng	4,84	1,65	4,84	1,65	14,19	4,83
1	Đất cơ quan	3,17	1,08	3,17	1,08	3,17	1,08
2	Đất quân sự	0,28	0,09	1,44	0,50	1,44	0,50
3	Giao thông đối ngoại	--	--	--	--	9,50	3,23
4	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,42	0,48	1,42	0,48	1,27	0,43
B	Đất khác	242,14	82,42	193,95	66,01	146,27	49,79
1	Đất dự trữ phát triển	--	--	19,67	6,70	10,02	3,41
2	Đất nghĩa trang	2,12	0,72	2,12	0,721579	2,12	0,7
3	Đất sông suối, mặt nước	4,74	1,61	4,74	1,61	2,12	0,72
4	Đất nông nghiệp	103,51	35,23	60,00	20,42	22,11	7,53
5	Đất lâm nghiệp	131,74	44,85	125,80	42,82	125,80	42,82

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

9.1. Giải pháp san nền thoát nước mưa:

Giải pháp san nền: Nguyên tắc dựa trên địa hình hiện trạng tự nhiên để xây dựng công trình, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp (chủ yếu cân bằng đào đắp). Cao độ khống chế xây dựng thị trấn Bằng Lũng là $\geq 332\text{m}$ (so với mặt biển). Khu vực thấp của đô thị với cốt tự nhiên là 330m được tôn đắp cục bộ từ $1\text{m} \div 5\text{m}$ để đảm bảo tính thống nhất cao độ nền, tạo thuận lợi tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Giải pháp thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế hệ thống riêng. Lưu vực thoát nước mưa được chia thành hai lưu vực chính (phía Bắc thoát theo suối chảy về xã Ngọc Phái; Phía Nam thoát theo suối chảy về Bản Duồng). Mạng lưới thoát nước mưa là dùng ống cống trong khu vực trung tâm kết hợp với hệ thống rãnh nắp đan với $B = 600\text{mm} \div 1000\text{mm}$.

9.2. Quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại: Theo cơ cấu phát triển không gian đô thị, tổ chức giao thông đối ngoại không đi qua trung tâm đô thị, gồm tỉnh lộ 254 và tỉnh lộ 257 được cải tạo nâng cấp sẽ trở thành đường trục chính đô thị và khu vực, đồng thời tổ chức 02 tuyến đường tránh, như sau:

+ Tuyến 01: Mở đường tránh phía Tây (ĐT 254), từ địa phận xã Ngọc Phái qua Bản Tàn đến xã Bằng Lăng trên cơ sở hướng tuyến đường Bằng Lũng - Bản Tàn - Bằng Lăng hiện có. Lộ giới theo đường cấp III miền núi.

+ Tuyến 02: Mở đường tránh phía Đông Nam, từ địa phận cầu Nậm Càng xuống bản Duồng nối với đường Bằng Lũng đi Đại Sào. Lộ giới quy hoạch là 16m . Lưu ý bố trí hè đường phía giáp đô thị.

Giao thông nội thị:

+ Đường trục chính đô thị (đường tỉnh lộ 254) là đường chính xuyên suốt chiều dài của thị trấn Bằng Lũng, chiều dài khoảng $1,5\text{km}$; Lộ giới đường $22,5\text{m}$ (hè $2 \times 5\text{m}$, lòng đường $12,5\text{m}$).

+ Đường khu vực: Đường TL257 kéo dài từ Đông sang Tây của thị trấn, chiều dài khoảng 500m ; Lộ giới đường $19,5\text{m}$ (hè $2 \times 4\text{m}$, lòng đường $11,5\text{m}$).

+ Đường phố nội bộ gồm 04 loại: Lộ giới 16m ; Lộ giới: 11m ; Lộ giới 9m và lộ giới 6m . Chi tiết các mặt cắt theo đồ án quy hoạch đã thẩm định.

9.3. Quy hoạch định hướng cấp điện:

Chỉ tiêu cấp điện: Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

+ Cấp điện cho sinh hoạt: Đợt đầu 200 W/người ; Dài hạn 330 W/người .

+ Cấp điện cho công trình công cộng tính bằng 30% phụ tải điện sinh hoạt.

+ Cấp điện cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng tính bằng 140kW/ha .

+ Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn đô thị: Giai đoạn I (2010 – 2015) là 3.421KVA ; Giai đoạn II (2015 – 2020) là 5.804KVA .

Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện Quốc gia cung cấp thông qua trạm $110\text{KVA} - E26.1$ Bắc Kạn.

Lưới điện:

+ Lưới 35KV: Nhánh tuyến điện nổi 35KV từ trạm 110KVA - E26.1 Bắc Kạn đi qua trung tâm thị trấn hiện có sẽ được nắn chỉnh một số đoạn phù hợp với quy hoạch; Xây dựng mới một số tuyến điện ngầm 35kv.

+ Trạm lưới 35/0,4 KV: Công suất và vị trí của các trạm biến áp phân phối 35/(22)/0,4kv được tính toán dựa trên công suất của phụ tải; Các trạm 35/04kv được quy hoạch đảm bảo cung cấp sinh hoạt và sản xuất cho toàn đô thị. Về lâu dài sẽ xây dựng các trạm 22/0,4kv theo tiêu chuẩn chung.

+ Lưới hạ áp 0,4KV: Đường dây 0.4KV bố trí đi nổi dọc theo các tuyến đường giao thông đô thị.

+ Lưới chiếu sáng chung hệ thống cột 0,4kv; chiếu sáng cho tất cả các tuyến đường đô thị lưới chiếu sáng đi ngầm.

9.4. Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước tính cho đô thị loại IV.

+ Giai đoạn đầu: 80 lít/người/ngày đêm.

+ Giai đoạn dài hạn: 100 lít/người/ngày đêm.

Tổng nhu cầu dùng nước: 2.000m³/ngày đêm.

Lựa chọn nguồn nước mặt để cấp nước sinh hoạt lâu dài cho đô thị tại đập Khuổi Tráng; Cải tạo nâng cấp nhà máy nước hiện có.

Giai đoạn trước mắt vẫn kết hợp nguồn nước mặt và nước ngầm để cấp nước sinh hoạt cho đô thị.

9.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Thiết kế hệ thống thoát riêng

Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước:

Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại tại các công trình, nhà ở rồi chảy vào hệ thống thoát nước bản dẫn về trạm xử lý chung toàn đô thị. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép mới được thải ra môi trường tự nhiên. Bố trí 02 trạm xử lý nước thải ở hạ lưu hai suối, phía Bắc bố trí trạm sát với xã Ngọc Phái, phía Nam bố trí trạm xử lý tại Bản Duồng.

Nước thải Bệnh viện, nước thải công nghiệp được xử lý cục bộ riêng, nếu đạt vệ sinh theo tiêu chuẩn Việt Nam mới được thải ra môi trường bên ngoài.

Vệ sinh môi trường: Giai đoạn trước mắt do khối lượng chất thải rắn ít nên chất thải rắn có thể xử lý theo phương pháp chôn lấp, khi đô thị phát triển, chất thải rắn sẽ được xử lý theo phương pháp hiện đại. Vị trí khu xử lý chất thải rắn tại Bản Tàn (cạnh nghĩa trang đô thị) theo quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt.

Nghĩa trang: Giữ nguyên vị trí hiện nay ở Bản Tàn. Quy mô sử dụng đất khoảng 07ha ÷ 10ha.

10. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc miền núi Đông Bắc bộ.

Quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng và trong quá trình quản lý xây dựng cần tuân thủ theo quy hoạch chung về chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao không chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm...

Mật độ xây dựng, khu cây xanh không quá 5%, công trình công cộng không quá 40%.

11. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu an ninh quốc phòng tuân thủ các quy định của quốc phòng, giành quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch các bãi tập của dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

12. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, Nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải Bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định

13. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

13.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

13.1.1. Giai đoạn I (từ 2011 – 2015):

Các dự án hạ tầng xã hội: Trung tâm văn hóa thể thao (Khu vui chơi giải trí Thanh thiếu niên lồng ghép với dịch vụ thương mại ở trung tâm; Bến xe khách Chợ Đồn; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; Trung tâm dạy nghề; Khu tái định cư Thôn Khún; Chinh trang không gian kiến trúc hai bên trục đường chính đô thị, kết hợp với điều chỉnh đất ở với các hộ theo tiêu chuẩn mật độ cao (80 - 100m²/hộ).

Các dự án công trình hạ tầng kỹ thuật: Cải tạo và nâng cấp đường trục chính đô thị (TL254); Cải tạo đường tỉnh lộ 257 qua thị trấn và một số đường nội thị khác; Dự án cấp nước sạch đô thị khai thác nước mặt từ đập Khuổi Tráng - Nặm Càng; Dự án khu xử lý chất thải rắn đô thị; Dự án nghĩa trang trong đô thị.

13.1.2. Giai đoạn II (từ 2015 – 2020):

Các dự án hạ tầng xã hội: Khu trung tâm thể dục thể thao (sân vận động); Trường tiểu học và Trường Trung học cơ sở phía Nam; Khu nhà ở xã hội (chung cư);

Các dự án công trình hạ tầng kỹ thuật: Đường tránh đô thị; Cải tạo nâng cấp các tuyến đường khu vực và phân khu vực đô thị; Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa và thoát nước bản; Nâng cấp công suất cấp nước và cấp điện để đáp ứng nhu cầu theo sự gia tăng quy mô dân số; Xây mới và cải tạo một số công trình đầu mối HTKT khác...

13.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn vay tài trợ, vốn vay huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp...

14. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 1.277.022.318 đồng. (Một tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm mười tám đồng).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát lập bản đồ địa hình: 571.688.527, đồng.

+ Lập, điều chỉnh QH chung xây dựng: 705.333.791, đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 638/TTr-SXD ngày 24/10/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch đã phê duyệt tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 25/8/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn.

15. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn được Sở Xây dựng thẩm định và lưu tại các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 25/8/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt, tổ chức công bố quy hoạch, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa và tổ chức lập quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chợ Đồn, Chủ tịch UBND thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Du

100
100



THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS